

Dự án VnSAT - Chuyển đổi nông nghiệp bền vững

NGÀNH LÚA GẠO

Tháng 10/2018

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Tiêu điểm trong tháng 10/2018

- Giá gạo 5% tấm bình quân tăng tại Thái Lan, Việt Nam và giảm tại Ấn Độ.
- Dự báo sản lượng thế giới trong niên vụ 2018/19 sẽ đạt 487 triệu tấn, tăng 0,59 triệu tấn so với dự báo tháng trước và tăng hơn 3,7 triệu tấn so với niên vụ trước.
- Dự báo thương nhập khẩu gạo trong niên vụ 2018/2019 sẽ đạt 49,7 triệu tấn, tăng 15 nghìn tấn so với dự báo tháng trước và tăng 709 nghìn tấn so với niên vụ trước.

Diễn biến giá cả trong tháng 10/2018

Trong tháng 10/2018, mức giá gạo xuất khẩu 5% tấm bình quân tăng tại Thái Lan, Việt Nam và giảm tại Ấn Độ.

Giá gạo xuất khẩu 5% tấm Thái Lan dao động trong khoảng 409 - 413 USD. Giá gạo trung bình tháng đạt 410 USD/tấn, tăng 5 USD/tấn, tương đương tăng 1,23% so với tháng trước và tăng 4,13% so với cùng kì năm trước. Tuy luôn duy trì ở mức trên 400 USD/tấn trong 3 tháng trở lại đây, nhưng nhìn chung đà tăng của giá gạo Thái Lan đã sụt giảm trong 2 tuần trở lại đây do đồng Bath bắt đầu giảm giá so với đồng USD và có thêm nguồn cung mới từ vụ thu hoạch lúa mùa.

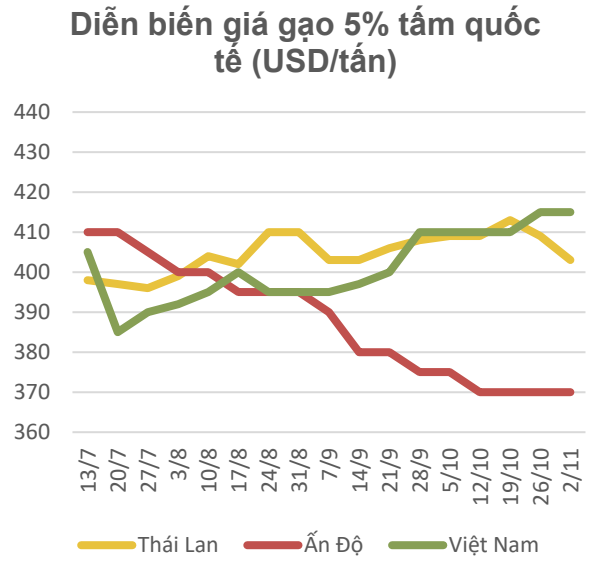
Giá gạo xuất khẩu 5% tấm tại Ấn Độ giao động trong khoảng 370-375 USD/tấn, giảm 15 USD/tấn, tương đương giảm 2,62% so với mức giá trung bình tháng trước và giảm 7,36% so

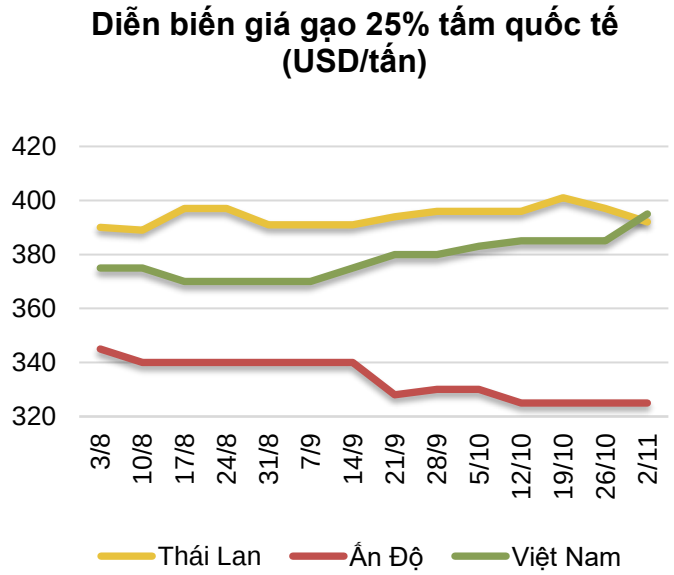
với cùng kì năm trước, đánh dấu tháng giảm giá thứ 5 liên tiếp của gạo 5% tấm Ấn Độ. Lý do chủ yếu khiến giá gạo Ấn Độ tính theo đồng USD duy trì ở mức thấp, là do đồng rupee vẫn tiếp tục mất giá so với đồng USD.

Giá gạo xuất khẩu 5% tấm tại Việt Nam duy trì trong khoảng 410-415 USD/tấn. Giá trung bình trong tháng của Việt Nam tăng 2,68% so với tháng trước và tăng 4,11% so với cùng kì năm trước, đạt mức 411,25 USD/tấn. Nhờ kì vọng vào phiên đấu thầu mua 500 nghìn tấn gạo sắp tới của Phillipines, nên giá gạo Việt Nam vẫn duy trì ở mức cao, chỉ chênh lệch 1,25 USD/tấn so với giá gạo Thái Lan.

Giá gạo xuất khẩu 5% tấm của Pakistan đạt trung bình 385,5 USD/tấn, giảm 4 USD/tấn so với tháng trước. Giá gạo xuất khẩu 5% tấm chất lượng cao của Campuchia đạt 480 USD/tấn, không đổi so với tháng trước.

Nhìn chung giá gạo 5% tấm xuất khẩu trên thế giới chỉ giao động nhẹ trong tháng này do nhu cầu mua không lớn và nguồn chung vẫn ổn định.





Nguồn: Hiệp hội các nhà xuất khẩu gạo của Thái Lan

Giá gạo 25% tấm cũng có xu hướng thay đổi giống giá gạo 5% tấm, tăng tại Thái Lan, Việt Nam và giảm tại Ấn Độ. Giá trung bình của gạo 25% tấm tại Thái Lan tăng 4,5 USD/tấn, tương đương tăng 1,15% so với tháng trước. Giá gạo 25% tấm trung bình của của Việt Nam tăng 8,25 USD/tấn, tương đương tăng 2,19%. Mức giao động của giá gạo 25% tấm của Thái Lan, Việt Nam và Ấn Độ là khá hẹp, chỉ giao động khoảng 2-5 USD/tấn. Giá gạo 25% tấm của Ấn Độ bình quân đạt 326,25 USD/tấn, giảm 8,25 USD/tấn so với tháng trước, tương đương giảm 2,47%. Giá gạo 25% tấm của Pakistan đạt trung bình 350,5 USD/tấn, giảm 6,25 USD/tấn so với trung bình tháng trước.

Tình hình sản xuất

Theo báo cáo Triển vọng ngành lúa gạo tháng 10/2018 của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), sản lượng thế giới trong niên vụ 2018/19 sẽ đạt 487 triệu tấn, tăng 0,59 triệu tấn so với dự báo tháng trước và tăng hơn 3,7 triệu tấn so với niên vụ trước. Nguyên nhân chính do sản lượng gạo của Ấn Độ tăng mạnh nhờ diện tích sản xuất tăng và thời tiết thuận lợi.

Một số diễn biến về sản xuất trong tháng

- Sản lượng gạo của Hàn Quốc năm nay ước đạt 3,85 triệu tấn, giảm so với mức 3,97 triệu tấn trong năm ngoái do giảm diện tích sản xuất. Trong 5 năm trở lại đây, diện tích sản xuất lúa gạo tại Hàn Quốc giảm trung bình 2,3% mỗi năm. Nhập khẩu gạo nước này trong năm 2017 đã tăng 28% về khối lượng, đạt giá trị khoảng 300 triệu USD. [1]

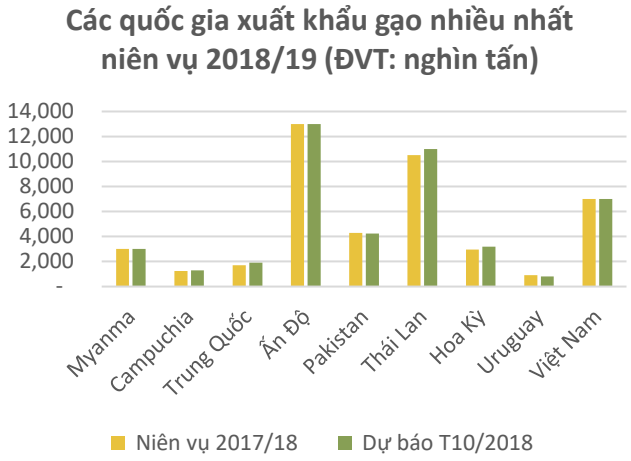
- Theo Bộ Nông nghiệp Thái Lan, dự báo sản lượng giống gạo đặc sản Hom mali của nước này sẽ giảm 10% trong mùa vụ tới do hạn hán tại các tỉnh miền Bắc. Sản xuất gạo chất lượng cao của Thái Lan trong năm nay cũng đã giảm xuống mức 7,6 triệu tấn lúa, so với mức 7,9-8 triệu tấn lúa trong những năm trước. Tuy nhiên, tổng sản lượng lúa năm nay của Thái Lan có thể vẫn đạt khoảng 25 triệu tấn do tăng sản lượng lúa trắng và lúa nếp. Cụ thể, dự báo sản lượng lúa trắng đạt khoảng 9,2 triệu tấn và lúa nếp đạt khoảng 6,2 triệu tấn. [2]

- Theo Bộ Nông nghiệp Fiji, nước này đang phải nhập khẩu 40 triệu USD gạo mỗi năm. Với mong muốn giảm phụ thuộc vào gạo nhập khẩu, Bộ Nông nghiệp nước này đã kí cam kết hợp tác với một công ty công nghệ nông nghiệp của Trung Quốc, công ty Yuan Longping High. Theo đó, công ty này sẽ hỗ trợ kĩ thuật và tư vấn mở rộng diện tích canh tác lúa tại Fiji. [3]

- Cơ quan thống kê Indonesia ước tính sản lượng năm nay của nước này sẽ đạt 32,4 triệu tấn, ít hơn mức dự báo của Bộ Nông nghiệp nước này là 48,3 triệu tấn. Tiêu thụ lúa gạo của Indonesia trong năm nay ước đạt 29,6 triệu tấn, nên dù sản lượng không đạt được như mức dự báo nhưng vẫn đủ để cung cấp trong nước. Từ đầu năm đến nay, Indonesia đã nhập khẩu 1,8 triệu tấn. [4]

Tình hình thương mại [3]

Dự báo tiêu thụ gạo thế giới trong năm 2018/19 sẽ đạt 443 triệu tấn, tăng 0,078 triệu tấn so với dự báo tháng trước và tăng 1,2% so với năm trước. • Dự báo thương nhập khẩu gạo trong niên vụ 2018/2019 sẽ đạt 49,7 triệu tấn, tăng 15 nghìn tấn so với dự báo tháng trước và tăng 709 nghìn tấn so với niên vụ trước. Trung Quốc và Nigeria sẽ tiếp tục là những nhà nhập khẩu gạo lớn nhất thế giới trong năm 2019, tiếp theo là EU, Cote d'Ivoire, và Iran.



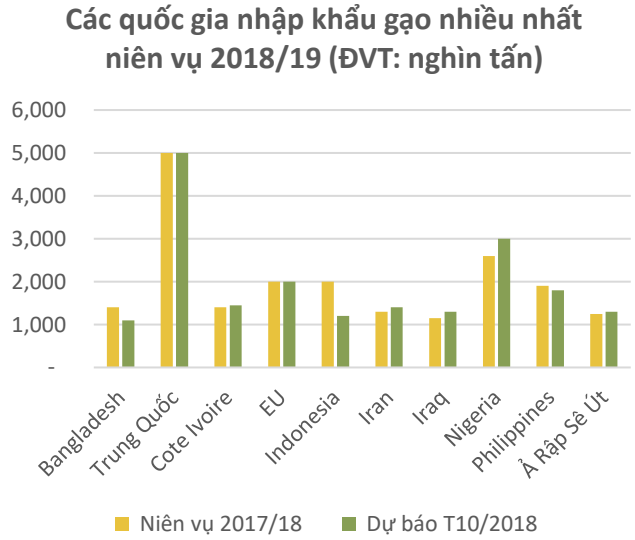
Nguồn: USDA, 10/2018

Một số diễn biến xuất khẩu trong tháng

- Thái Lan cho biết Trung Quốc đã đồng ý mua thêm 100.000 tấn gạo từ Thái Lan theo thỏa thuận G2G mua 1 triệu tấn ngũ cốc đã ký kết vào năm 2015. Từ đó đến nay, Thái Lan đã xuất khẩu 500.000 tấn gạo cho Trung Quốc theo hợp đồng này. Ông Sontrirat cũng chia sẻ thêm rằng Bộ Ngoại thương Thái Lan sẽ đẩy nhanh các quốc đàm phán để thực hiện nốt cam kết xuất khẩu 400.000 tấn còn lại. [5]

- Theo Chính phủ Ấn Độ, xuất khẩu gạo của nước này trong giai đoạn tháng 4/2018 đến tháng 8/2018 đã giảm 4,3% so với năm trước xuống còn 5,03 triệu tấn, chủ yếu do giảm nhập khẩu từ Bangladesh. [6]

- Theo công bố của Hải quan Campuchia, Campuchia đã xuất khẩu 389.264 tấn gạo trong 9 tháng đầu năm nay, giảm 8,4% so với cùng kì năm ngoái. Trung Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu hàng đầu của Campuchia, với tổng khối lượng xuất khẩu đạt 96.714 tấn. [7]



Nguồn: USDA, 10/2018

Một số diễn biến nhập khẩu trong tháng

- Cơ quan Quản lý Nguồn cung Ngành hàng (GASC) của Ai Cập vừa công bố đơn thầu mua gạo đầu tiên trong năm 2018. Tổng khối lượng gạo mời thầu là 25.000 tấn gạo 5% tấm. Hạn chót để nhà thầu quốc tế chào giá (CIF) là 11/12/2018 và gạo dự kiến sẽ được chuyển đến trong khoảng 1/2/2019 đến 1/3/2019. Đầu năm nay, Ai Cập đã phải cắt một nửa diện tích canh tác lúa do thiếu nước. Do đó, các chuyên gia ước tính Ai Cập sẽ phải nhập khẩu thêm khoảng 500.000 tấn gạo trong năm nay. [8]

- Theo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp Malaysia, nước này đang cân nhắc cắt giảm khoảng 30% vị thế độc quyền của cơ quan thu mua gạo nhà nước (Bernas). Theo ông này, đến năm 2050, dân số Malaysia ước tính sẽ đạt 45 triệu người. Trong khi diện tích canh tác lúa của nước tối

đa chỉ có thể đạt khoảng 600 nghìn ha, thấp hơn nhiều so với con số 10 triệu ha trồng lúa của Thái Lan và 8 triệu ha trồng lúa của Việt Nam. Do đó, việc giúp gạo trong nước cạnh tranh với gạo từ hai quốc gia này, về lâu dài là kém hiệu quả. Thị trường lúa gạo Malaysia cần được mở cửa một phần để giảm gánh nặng cho nhà nước và hạn chế nguy cơ tham nhũng. [9]

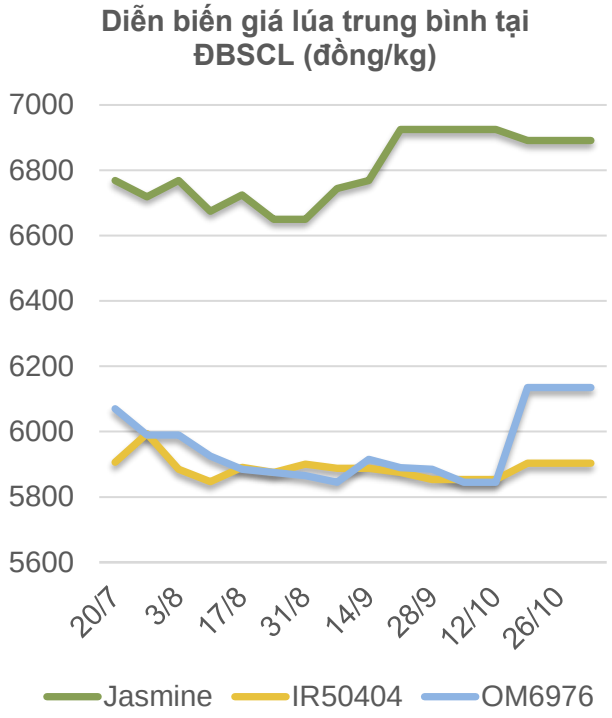
- Chính phủ Philippines sẽ cố gắng bảo đảm các nhà cung cấp cho 703.000 tấn gạo nhập khẩu trong hai phiên đấu thầu, đều được dự kiến diễn ra trong tuần tới. Bộ trưởng Nông nghiệp Philippines Emmanuel Piñol nói, thay vì ba phiên đấu thầu riêng biệt trong khoảng thời gian hai tuần, chính phủ sẽ thực hiện hai phiên. Phiên đầu tiên để nhập khẩu 203.000 tấn gạo theo hình thức G2G và sau đó là phiên thầu nhập khẩu 500.000 tấn gạo theo G2P. Theo ông, phần lớn trong tổng số 750.000 tấn gạo nhập khẩu sẽ được chuyển tới trước cuối năm, trong khi phần còn lại sẽ cập cảng vào tháng 1 năm sau. [10]

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Tiêu điểm trong tháng 10/2018

- Giá lúa Thu Đông tại khu vực ĐBSCL tăng nhẹ trong bối cảnh nguồn cung hạn hẹp
- Tính đến hết tháng 10, cả nước đã gieo cấy được 7,6 triệu ha lúa, giảm 62,6 nghìn ha so với cùng kỳ; thu hoạch được 6,31 triệu ha
- Khối lượng gạo xuất khẩu trong tháng 10/2018 ước đạt 264 nghìn tấn với giá trị đạt 135 triệu USD

Diễn biến giá cả trong tháng 10/2018



Nguồn: AGROINFO tổng hợp

Tháng 10/2018, thu hoạch vụ Hè Thu đã kết thúc và một số địa phương bắt đầu thu hoạch vụ Thu Đông. Giá lúa Thu Đông tại khu vực ĐBSCL tăng nhẹ trong bối cảnh nguồn cung hạn hẹp. Theo hệ thống cung cấp giá tại địa phương:

+ Tại Vĩnh Long, lúa Thu Đông giống IR50404 tăng 200 đ/kg từ 5.100 đ/kg lên mức 5.300 đ/kg; lúa khô IR50404 ở mức 5.900 đ/kg; gạo IR50404 ở mức 10.000 đ/kg.

+ Tại Bạc Liêu, giá lúa khô OM 5451 bán buôn của Công ty Lương thực tỉnh ở mức 6.200 – 6.300 đ/kg. Tại An Giang, gạo tẻ IR50404 ổn định mức 10.000 đ/kg; gạo chất lượng cao ở mức 12.500 đ/kg; gạo thơm đặc sản jasmine 14.000 đ/kg.

+ Tại Kiên Giang, lúa IR50404 ổn định ở mức 5.800 – 5.900 đ/kg; lúa OM 4218 ở mức 6.100 - 6.200 đ/kg; lúa OM 6976 ở mức 6.300 - 6.400 đ/kg; lúa Jasmine ở mức 7.000 – 7.200 đ/kg.

Tình hình sản xuất

Tính đến hết tháng 10, cả nước đã gieo cấy được 7,6 triệu ha lúa, giảm 62,6 nghìn ha so với cùng kỳ; thu hoạch được 6,31 triệu ha. Mặc dù, diện tích gieo cấy giảm nhưng năng

suất bình quân ước đạt 59,5 tạ/ha, tăng khoảng 2,5 tạ/ha nên sản lượng lúa ước đạt gần 37,6 triệu tấn, tăng 1,1 triệu tấn so với cùng kỳ năm 2017.

- ***Các địa phương phía Bắc***, đã gieo cấy được 2,41 triệu ha, giảm 37 nghìn ha; thu hoạch được 2,1 triệu ha, năng suất bình quân ước đạt 56,7 tạ/ha; sản lượng ước đạt 11,9 triệu tấn, giảm 74,4 nghìn tấn so với cùng kỳ. Trong đó, ĐBSH gieo trồng đạt 1,05 triệu ha (giảm 21,5 nghìn ha); năng suất bình quân ước đạt 60,5 tạ/ha; sản lượng ước đạt 5,28 triệu tấn (-4,1% so với cùng kỳ).

- ***Các địa phương phía Nam*** gieo cấy được 5,187 triệu ha, giảm 25,3 nghìn ha; thu hoạch được 4,2 triệu ha, năng suất ước đạt 60,9 tạ/ha, tăng 3,0 tạ/ha; sản lượng ước đạt 25,65 triệu tấn, tăng 1,18 triệu tấn so với cùng kỳ năm trước. Riêng vùng ĐBSCL gieo trồng đạt 4,125 triệu ha (giảm 22,4 nghìn ha), năng suất bình quân ước đạt 61,1 tạ/ha (tăng 3,2 tạ/ha); sản lượng ước đạt 21,15 triệu tấn (tăng 740 nghìn tấn).

Tổng hợp theo mùa Vụ: Đến tháng 10, cả nước đã thu hoạch xong vụ Đông xuân, vụ Hè thu, đang thu hoạch vụ Mùa và gieo cấy vụ Thu đông (ở ĐBSCL).

Lúa Hè thu: Tính đến trung tuần tháng 9, cả nước gieo cấy được 2.055 nghìn ha lúa Hè thu, bằng 97,2% cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc đạt 174,4 nghìn ha, bằng 98,5%; các địa phương phía Nam đạt 1.880,6 nghìn ha, bằng 97,4%. Các địa phương trên cả nước đã cơ bản hoàn thành thu hoạch lúa vụ hè thu Diện tích thu hoạch đạt 2048,2 nghìn ha lúa Hè thu, bằng 99,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long thu hoạch đạt 1600,1 nghìn ha, bằng 99,3% so cùng kỳ năm trước. Năng suất lúa Hè thu cả nước năm nay ước đạt 54,4 tạ/ha, tăng 0,1 tạ/ha so với vụ Hè thu năm 2017; sản lượng đạt gần 11,2 triệu tấn, giảm 47,7 nghìn tấn, trong đó vùng ĐBSCL đạt 8,8 triệu tấn, giảm 30,5 nghìn tấn.

Lúa Mùa: Tính đến ngày 15/10, cả nước đã gieo cấy được 1.695,7 nghìn ha lúa Mùa, bằng 99% cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc gieo cấy 1.115,9 nghìn ha, bằng 98,4%, các địa phương phía Nam gieo cấy 579,8 nghìn ha, bằng 100,1%.

Lúa Thu đông: Tính đến giữa tháng 10, các tỉnh ĐBSCL đã xuống giống 752,3 nghìn ha, bằng 97,6% cùng kỳ. Diện tích gieo trồng lúa Thu đông chậm hơn cùng kỳ do vụ Hè thu xuống giống trễ và kéo dài, hơn nữa lũ năm nay về sớm và lên nhanh do ảnh hưởng của mưa bão, nhiều diện tích không thể gieo trồng. Đến nay toàn vùng đã thu hoạch 284,6 nghìn ha, chiếm 38% diện tích gieo cấy và bằng 68,7% cùng kỳ năm trước. Nếu thời tiết từ giờ đến cuối vụ thuận lợi, năng suất toàn vụ ước đạt 52,8 tạ/hạ, tăng 0,5 tạ/ha so cùng kỳ năm trước. Sản lượng ước đạt 3,9 triệu tấn, giảm 333,2 nghìn tấn, bằng 92,1%. Như vậy, tuy năng suất có tăng nhẹ nhưng sản lượng chung toàn vụ giảm do diện tích giảm ở hầu hết các địa phương.

Tình hình dịch hại

Theo Cục Bảo vệ thực vật tình hình sâu bệnh trên cây lúa trong tháng 10 như sau:

- ***Rầy hại lúa***: Diện tích nhiễm 1.718 ha, giảm 7.902 ha so với kỳ trước, giảm 4.160 ha so với cùng kì năm trước. Phân bố tập trung tại các tỉnh An Giang, Long An, Tây Ninh, Tiền Giang…

- ***Bệnh VL, LXL***: diện tích nhiễm 8,5 ha, tương đương với tuần trước, giảm 852,8 ha so với CKN. Bệnh xuất hiện tại thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Bệnh lùn sọc đen***: Diện tích nhiễm 135 ha, giảm 129 ha so với kỳ trước, giảm 7.296 ha so với cùng kỳ năm trước, nhiễm nặng 3,5 ha. Phân bố tại Nghệ An, Ninh Bình, Thái Bình, Quảng Ninh,...

- ***Bệnh đạo ôn***

+ ***Bệnh đạo ôn hại lá***: Diện tích nhiễm 6.463 ha, tăng 1.229 ha so với kỳ trước, giảm 8.073 ha so với cùng kì năm trước, nhiễm nặng 12 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh An Giang,Vĩnh Long, Sóc Trăng, Tiền Giang, Bạc Liêu, Long An, Trà Vinh…

+ ***Bệnh đạo ôn cổ bông***: Diện tích nhiễm 716 ha, giảm 194 ha so với kỳ trước, tăng 184 ha so với cùng kì năm trước, nhiễm nặng 04 ha. Phòng trừ 14.805 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Tiền Giang, Sóc Trăng, Hậu Giang, Yên Bái, …

- ***Sâu đục thân***: Diện tích nhiễm 604 ha, giảm 304 ha so với kỳ trước, giảm 229 ha so với cùng kì năm trước, nhiễm nặng 42 ha. Tập trung tại các tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Gia Lai...

- ***Sâu cuốn lá nhỏ***: Diện tích nhiễm 1.742 ha, tăng 681 ha so với kỳ trước, giảm 738 ha so với cùng kì năm trước, phòng trừ 807 ha. Tập trung tại các tỉnh Nam bộ.

- ***Bệnh bạc lá***: Diện tích nhiễm 3.953 ha, giảm 2.380 ha so với kỳ trước, giảm 9.420 ha so với cùng kì năm trước, nhiễm nặng 62 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh Nam bộ.

- ***Bệnh khô vằn***: Diện tích nhiễm 15.612 ha, giảm 13.915 ha so với kỳ trước, giảm 12.738 ha so với cùng kì năm trước, nhiễm nặng 682 ha, phòng trừ 11.700 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh Bắc bộ.

- ***Bệnh đen lép hạt***: Diện tích nhiễm 2.221 ha, giảm 2.509 ha so với kỳ trước, giảm 756 ha so với cùng kì năm trước, nhiễm nặng 68 ha, phòng trừ 3.703 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Nam bộ.

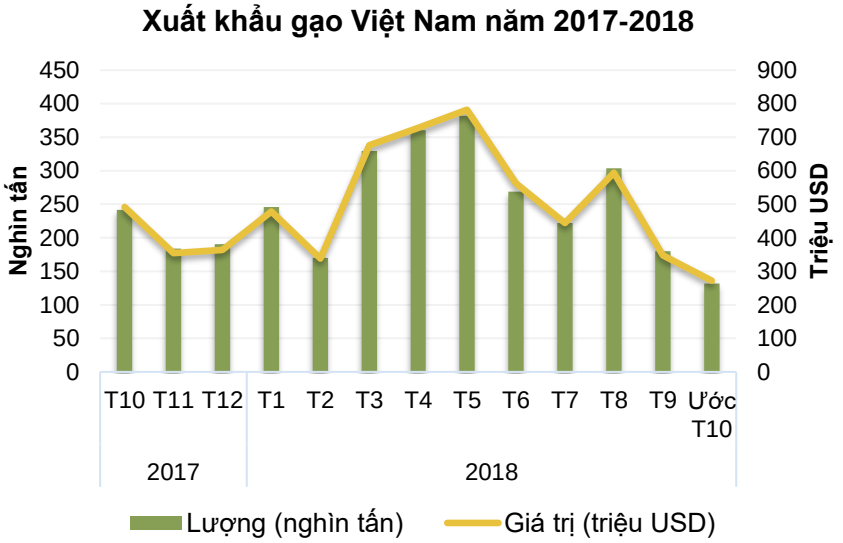
- ***Chuột***: Diện tích hại 1.877 ha, giảm 114 ha so với kỳ trước, giảm 468 ha so với cùng kì năm trước, nặng 89 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh Nam bộ.

- ***Ốc bươu vàng***: Diện tích hại 3.415 ha, giảm 1.076 ha so với kỳ trước, giảm 379 ha so với cùng kì năm trước, nhiễm nặng 30 ha. Tập trung tại các tỉnh Nam bộ. Các đối tượng sinh vật khác gây hại nhẹ như: Bọ trĩ (1.029 ha), bệnh đốm nâu (187 ha), bệnh đốm sọc vi khuẩn (126 ha, nhiễm nặng 20 ha) …

Tình hình xuất khẩu

Khối lượng gạo xuất khẩu trong tháng 10/2018 đạt 362 nghìn tấn, trị giá 187 triệu USD, đưa tổng khối lượng xuất khẩu trong 10 tháng lên 5,2 triệu tấn, trị giá 2,64 triệu USD.

Trong 9 tháng đầu năm 2018 cả nước xuất khẩu 4,89 triệu tấn gạo, thu về 2,46 tỷ USD, tăng 5,9% về lượng và tăng 20,5% về kim ngạch so với cùng kỳ năm ngoái



Nguồn: Tổng cục Hải Quan

Trong đó, riêng tháng 9/2018 xuất khẩu 360.188 tấn, thu về 173,94 triệu USD, giảm mạnh 40,6% về lượng và giảm 41,4% về kim ngạch so với tháng liền kề trước đó. Giá gạo xuất khẩu trung bình trong 9 tháng đầu năm đạt 502,8 USD/tấn, tăng 13,7% so với 9 tháng đầu năm 2017.

Gạo của Việt Nam xuất khẩu nhiều nhất sang thị trường Trung Quốc 1,13 triệu tấn, tương đương 580,88 triệu USD, chiếm trên 23% trong tổng lượng và tổng kim ngạch xuất khẩu gạo của cả nước, sụt giảm 37,2% về lượng và giảm 27,7% về kim ngạch so với cùng kỳ. Giá gạo xuất sang Trung Quốc tăng 15,2%, đạt 515,4 USD/tấn. Riêng trong tháng 9/2018 gạo xuất sang Trung Quốc tăng mạnh 22,7% về lượng và tăng 30,9% về kim ngạch so với tháng liền kề trước đó, đạt 110.497 tấn, tương đương 51,03 triệu USD.

Indonesia là thị trường tiêu thụ gạo lớn thứ 2 của nước ta, xuất khẩu sang thị trường này 9 tháng đầu năm nay tăng đột biến gấp 50,2 lần về lượng và tăng gấp 67,1 lần về kim ngạch so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 770.968 tấn, tương đương 361,91 triệu USD. Giá xuất khẩu tăng 33,7%, đạt trung bình 469,4 USD/tấn.

Philippines – thị trường xuất khẩu gạo lớn thứ 3 của Việt Nam đạt 654.577 tấn, tương đương 298,45 triệu USD, tăng 32,4% về lượng và tăng 51,9% về kim ngạch so với cùng kỳ, chiếm 13% trong tổng lượng và tổng kim ngạch xuất khẩu gạo của cả nước. Tiếp sau đó là thị trường Malaysia đạt 452.628 tấn, tương đương 203,94 triệu USD, tăng 7,7% về lượng và tăng 24,7% về kim ngạch so với cùng kỳ, chiếm 9% trong tổng lượng và tổng kim ngạch xuất khẩu gạo của cả nước.

Trong số các thị trường xuất khẩu gạo chủ yếu của Việt Nam 9 tháng đầu năm nay, thì có 1/2 số thị trường tăng kim ngạch và 1/2 số thị trường xuất khẩu sụt giảm. Trong đó, xuất khẩu gạo tăng rất mạnh ở các thị trường như: Ba Lan tăng 357% về lượng và tăng 422% về kim ngạch, đạt 2.989 tấn, tương đương 1,74 triệu USD; Thổ Nhĩ Kỳ tăng 331,4% về lượng và tăng 369,3% về kim ngạch, đạt 4.547 tấn, tương đương 2,61 triệu USD; Pháp tăng 277,8% về lượng và tăng 197,6% về kim ngạch, đạt 801 tấn, tương đương 587.709 triệu USD.

Các thị trường xuất khẩu gạo sụt giảm mạnh là: Senegal giảm 99,6% về lượng, đạt 93 tấn; Brunei giảm 88%, đạt 1.945 tấn; Chile giảm 93%, đạt 309 tấn; Bangladesh giảm 91,7%, đạt 19.709 tấn; Ukraine giảm 80,7%, đạt 1.046 tấn; Bỉ giảm 79,9%, đạt 521 tấn.

Bản tin được tổng hợp từ các nguồn:

Mục diễn biến giá quốc tế: Hiệp hội Các nhà xuất khẩu gạo Thái Lan

Mục sản xuất và xuất khẩu toàn cầu: Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA)

[1]: Eleven Myanmar
[2]: Bangkok Post
[3]: Fiji Times
[4]: Agriculture
[5]: Agriculture
[6]: Economic Times
[7]: Cambodia Daily
[8]: Reuters
[9]: MalayMail
[10]: Mainla Bulletin

Mục giá cả trong nước: Cộng tác viên địa phương của Trung tâm Thông tin PTNNNT

Mục tình hình sản xuất và mục tình hình dịch bệnh: Báo cáo thống kê Bộ Nông nghiệp và PTNT

Mục tình hình xuất khẩu: Tổng cục Hải Quan Việt Nam



Bản tin được thực hiện bởi AGROINFO

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn